

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 324/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Hà Nội tại Tờ trình số 73/TTr- SGTVT ngày 13/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này ban hành mới 02 quy trình nội bộ, sửa đổi và bổ sung 12 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải Hà Nội; 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo phương

án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

- Từ QT-06 đến QT-14, QT-16 đến QT-18 Phần I, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5632/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố hết hiệu lực.

- QT-45.2023, QT-46.2023 Phần II, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 4678/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố hết hiệu lực.

- Từ QT-01 đến QT-19 Mục 1, Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố hết hiệu lực.

- QT-08, từ QT-38 đến QT-41 Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố hết hiệu lực.

- QT-01 Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố hết hiệu lực.

- QT.04-11.2020 Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố hết hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Minh Hải

Phụ lục 1

**DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN THEO PHƯƠNG ÁN ỦY QUYỀN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Phụ lục kèm theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025
của Chủ tịch UBND Thành phố)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
1.	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	QT-01
2.	Cấp Giấy phép lái xe	QT-02
3.	Cấp lại Giấy phép lái xe	QT-03
4.	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	QT-04
5.	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	QT-05
6.	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	QT-06
7.	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	QT-07
8.	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	QT-08
9.	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	QT-09
10.	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	QT-10
11.	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	QT-11
12.	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	QT-12
13.	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	QT-13
14.	Công bố lại bến xe khách	QT-14

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN THEO PHƯƠNG ÁN ỦY QUYỀN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
I	Thủ tục hành chính ủy quyền tiếp nhận và trả kết quả cho UBND quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội	
1	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	QT-01
2	Cấp lại Giấy phép lái xe	QT-02
II	Thủ tục hành chính ủy quyền giải quyết cho Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội	
3	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	QT-03

Phụ lục 2**NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN THEO PHƯƠNG ÁN ỦY QUYỀN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Phụ lục kèm theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025
của Chủ tịch UBND Thành phố)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI****1. Quy trình Cấp Giấy phép lái xe quốc tế (QT-01)**

1	MỤC ĐÍCH Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp giấy phép lái xe quốc tế.
2	PHẠM VI Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép lái xe quốc tế. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 4. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT;

	5. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>* Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thể thường trú hoặc tạm trú tại Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp bằng vật liệu PET, còn giá trị sử dụng:</i>		
	- Hồ sơ phải nộp: Đơn đề nghị cấp IDP theo mẫu quy định.	X	
	- Hồ sơ phải xuất trình:		
	+ Bản chính giấy phép lái xe quốc gia do Việt Nam cấp;	X	
	+ Hộ chiếu, thẻ thường trú (đối với người nước ngoài).	X	
	<i>* Đối với người Việt Nam, người nước ngoài có thể thường trú hoặc tạm trú tại Việt Nam: có giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp, còn giá trị sử dụng:</i>		
	- Hồ sơ phải nộp:		
	+ Đơn đề nghị cấp IDP theo mẫu quy định.	X	
	+ Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;	X	
	+ Bản sao thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài.		X

	- Hồ sơ phải xuất trình:			
	+ Bản chính giấy phép lái xe quốc gia do các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên cấp;		X	
	+ Hộ chiếu, thẻ thường trú hoặc tạm trú (đối với người nước ngoài).		X	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội, số 16 Cao Bá Quát, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	- Lệ phí cấp giấy pháp lái xe: 135.000 đồng/lần. - Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
3.7.1	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp			
B1	Nộp hồ sơ và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXVIII, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXVIII,

				Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXVIII, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.2	Trường hợp sử dụng Dịch vụ công mức độ 4 (sử dụng phần mềm do Tổng cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao)			
B1	Nộp hồ sơ trực tuyến: cá nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai, phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến
B2	Tra cứu Giấy phép lái xe	Chuyên viên - Sở GTVT	1 ngày làm việc	Thông tin từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

B3	Thẩm định hồ sơ trực tuyến	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Thông tin từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B4	Trình Lãnh đạo Sở ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyet trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B5	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXVIII, Thông tư 35/2024/ TT-BGTVT
B6	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXVIII, Thông tư 35/2024/TTBGTVT
B7	Trả kết quả cho cá nhân qua đường bưu điện	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXVIII, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT

B8	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	1. Giấy phép lái xe quốc tế. 2. Đơn đề nghị cấp giấy phép lái xe quốc tế. 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independent - Freedom - Happiness****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING
PERMIT**

Ảnh màu

photograph

Kính gửi (To):.....

Tôi là (Full name):

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.)cấp ngày (Issuing date): ngày (date):.....

tháng (month).....năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....

hoặc Số định danh cá nhân (personal identification No.):

Hiện có giấy phép lái xe số (Current driving licence No.):

Cơ quan cấp (Issuing Office):

Tại (Place of issue):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Reason of application for International driving permit:

.....

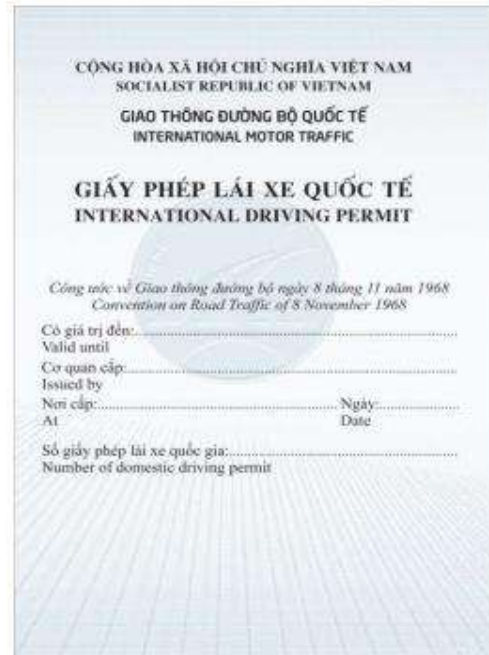
....., ngày(date)..... tháng (month)..... năm(year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)*(Ký và ghi rõ họ tên)**(Signature and Full name)*

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

TRANG SỐ 1

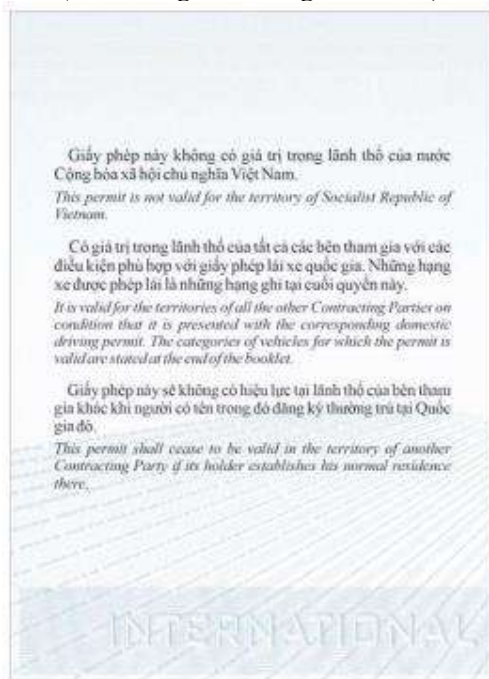
(Mặt ngoài của trang bìa trước)



Thông tin cơ bản của IDP được in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh

TRANG SỐ 2

(Mặt trong của trang bìa trước)



Phạm vi sử dụng IDP in song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh

TRANG SỐ 3

PHẦN KHAI VỀ NGƯỜI LÁI XE

Họ và tên:
 Tên khác:
 Nơi sinh:
 Ngày sinh:
 Địa chỉ:

GIẤY PHÉP CÓ GIÁ TRỊ VỚI CÁC HẠNG XE VÀ CÁC CẤP HẠNG XE CÓ MÃ TƯƠNG ỨNG, CÓ GIÁ TRỊ TRÊN GIẤY PHÉP LÁI XE

Mã hạng phương tiện/hình vẽ	Mã cấp phương tiện/hình vẽ
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
	D2 
BE 	
CE 	C1E 
	D1E 
DE 	D2E 

NHỮNG ĐIỀU KIỆN HẠN CHẾ SỬ DỤNG

DRIVING PERMIT

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Việt

TRANG SỐ 5

PARTICULARS CONCERNING THE DRIVER

Family name:
 Given name, other names:
 Place of birth:
 Date of birth:
 Place of normal residence:

CATEGORIES AND SUBCATEGORIES OF VEHICLES, WITH THE CORRESPONDING CODES, FOR WHICH THE PERMIT IS VALID

Category code/Pictogram	Subcategory code/Pictogram
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
	D2 
BE 	
CE 	C1E 
	D1E 
DE 	D2E 

RESTRICTIVE CONDITIONS OF USE

DRIVING PERMIT

Phần khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Anh

TRANG SỐ 6

ЗАПИСИ, ОТНОСЯЩИЕСЯ К ВОДИТЕЛЮ

Фамилия:
 Имя, другие имена:
 Место рождения:
 Дата рождения:
 Обычное место жительства:

КАТЕГОРИИ И ПОДКАТЕГОРИИ ТРАНСПОРТНЫХ СРЕДСТВ С УКАЗАНИЕМ СООТВЕТСТВУЮЩИХ КОДОВ, НА УПОМЕНУЕМЫЕ АВТОМОБИЛИ ВЫДАНО УДОСТОВЕРЕНИЕ	
Код категории/Пиктограмма	Код подкатегории/Пиктограмма
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
	D2 
BE 	
CE 	C1E 
	D1E 
DE 	D2E 

УСЛОВИЯ, ОГРАНИЧИВАЮЩИЕ ИСПОЛЬЗОВАНИЕ:

INTERNATIONAL

Phản khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Nga

TRANG SỐ 7

INDICACIONES RELATIVAS AL CONDUCTOR

Apellidos:
 Nombres:
 Lugar de nacimiento:
 Fecha de nacimiento:
 Lugar de residencia normal:

CATEGORÍAS Y SUBCATEGORÍAS DE VEHÍCULOS, CON LOS CÓDIGOS CORRESPONDIENTES, PARA LAS CUALES ES VÁLIDO EL PERMISO	
Código de la categoría/Pictograma	Código de la subcategoría/Pictograma
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
	D2 
BE 	
CE 	C1E 
	D1E 
DE 	D2E 

CONDICIONES RESTRICTIVAS

DRIVING PERMIT

Phản khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Tây Ban Nha

TRANG SỐ 8

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom: _____
 Prénom(s) ou autre(s) nom(s): _____
 Lieu de naissance: _____
 Date de naissance: _____
 Lieu de résidence normale: _____

CATÉGORIES ET SOUS-CATÉGORIES DE VÉHICULES, AVEC LES CODES CORRESPONDANTS, POUR LESQUELS LE PERMIS EST VALABLE	
Code de la catégorie/Pictogramme	Code de la sous-catégorie/Pictogramme
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1  D2 
BE 	
CE 	C1E 
DE 	D1E  D2E 

RESTRICTIONS À L'UTILISATION: _____

INTERNATIONAL

Phản khai về người lái xe và phân hạng IDP in bằng tiếng Pháp

TRANG SỐ 9

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom: _____
 Prénom(s) ou autre(s) nom(s): _____
 Lieu de naissance: _____
 Date de naissance: _____
 Lieu de résidence normale: _____

CACHET	CACHET
A (1)	A1
B	B1
C	C1
D	D1 D2
BE	
CE	C1E
DE	D1E D2E

2

Signature du titulaire: _____ (3)

EXCLUSIONS

Le titulaire est privé du droit de conduire sur le territoire de _____ jusqu'à _____

A _____

Le titulaire est privé du droit de conduire sur le territoire de _____ jusqu'à _____

A _____

Hạng xe được điều khiển in bằng tiếng Pháp

- (1) Vị trí đóng dấu hạng xe điều khiển được cấp
- (2) Vị trí đóng dấu giáp lai
- (3) Vị trí chữ ký của người được cấp IDP

2. Quy trình Cấp Giấy phép lái xe (QT-02)

1	MỤC ĐÍCH Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp giấy phép lái xe		
2	PHẠM VI Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp giấy phép lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 4. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT; 5. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	* Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu		
	- Hồ sơ do người học lái xe nộp:		
	+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	

	+ Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài).		X
	- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:		
	+ Hồ sơ của người học lái xe;	X	
	+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng B1, B, C1;	X	
	+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch;	X	
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.	X	
	* Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE		
	- Hồ sơ do người học lái xe nộp:		
	+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	+ Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài);		X
	+ Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D1, D2 và D (xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);		X

	+ Bản khai thời gian lái xe an toàn theo mẫu quy định.	X	
	- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:		
	+ Hồ sơ của người học lái xe;	X	
	+ Chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo;	X	
	+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng;	X	
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.	X	
	<i>* Đối với người dự sát hạch do giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng</i>		
	- Hồ sơ của người học lái xe		
	+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;	X	
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực;	X	
	+ Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài).		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch và người đạt kết quả kỳ sát hạch đã hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp giấy phép lái xe.		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Người học lái xe nộp hồ sơ tại cơ sở đào tạo lái xe. Nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải. Đối với trường hợp đăng ký nhận giấy phép lái xe qua Dịch vụ bưu chính công ích: Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Cơ sở đào tạo lái xe nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa của Sở Giao thông vận tải.			
3.6	Phí, lệ phí			
	- Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần; Sát hạch thực hành: 70.000 đồng/lần. + Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần; Sát hạch trong hình: 350.000 đồng/lần; Sát hạch trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần; Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần. - Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Cơ sở đào tạo	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Tạm dừng quy trình cho đến khi có kết quả sát hạch	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý (Tiếp tục giải quyết sau khi có kết quả sát hạch).	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B5	Lập Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B6	Thẩm định, ký nháy Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch, trình Lãnh đạo Sở.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B7	Ký Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch.	Lãnh đạo Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B8	Lập Báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe, trình Trưởng phòng.	Chuyên viên - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B9	Ký phê duyệt báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe.	Trưởng phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B10	Giao báo cáo đề xuất về việc cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe đã được phê duyệt, hồ sơ kỳ sát hạch, hồ sơ người dự sát hạch cho bộ phận in Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B11	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;

B12	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B13	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B14	Trả kết quả cho cơ sở đào tạo hoặc nhân viên Bưu điện (đối với trường hợp sử dụng Dịch vụ công cấp độ 4)	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B15	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe 2. Bản khai thời gian lái xe an toàn 3. Giấy phép lái xe 4. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu 3
cm x 4 cm
chụp không
quá 06 tháng

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi:.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã có giấy phép lái xe số:..... hạng.....
do:..... cấp ngày: /..... /

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng:

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe ☐

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng
giấy phép lái xe: có ☐ không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu
trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN LÁI XE AN TOÀN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KHAI
THỜI GIAN LÁI XE AN TOÀN**

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số:, hạng

do: cấp ngày: / /

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có năm lái xe an toàn.

Đề nghị cho tôi được dự sát hạch nâng
hạng lấy giấy phép lái xe hạng

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày tháng năm 20

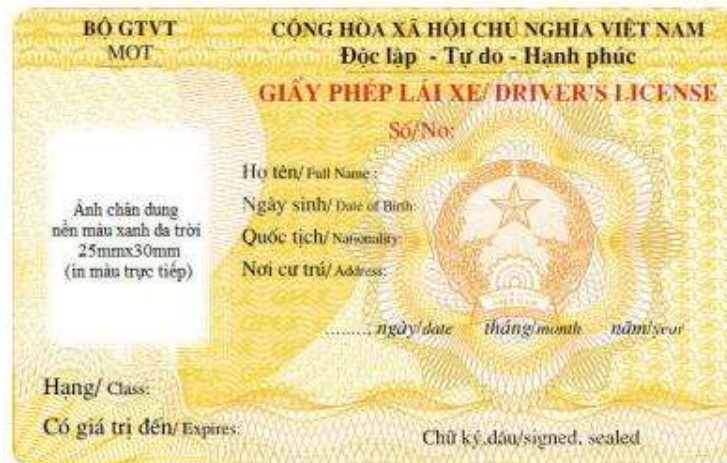
NGƯỜI KHAI*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

**Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực
đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025**

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:



Mặt sau:

**2. Quy cách giấy phép lái xe**

- Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).
- Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.
- Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.
- Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.
- Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.
- Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:



Mặt sau:



2. Quy cách giấy phép lái xe

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và "Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

- c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;
 - d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;
 - đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;
 - e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:
 - 1. Họ của người lái xe
 - 2. Tên của người lái xe
 - 3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe
 - 4a. Ngày cấp giấy phép lái xe
 - 4b. Ngày hết hạn giấy phép lái xe
 - 4c. Cơ quan cấp giấy phép lái xe
 - 5. Số giấy phép lái xe
 - 6. Ảnh chân dung (không đánh số)
 - 7. Chữ ký của người lái xe
 - 8. Địa chỉ cư trú của người lái xe
 - 9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.
 - g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:
 - 1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển
 - 2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe
 - 3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe
 - 4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.
3. Cách in giấy phép lái xe
- In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

3. Quy trình Cấp lại Giấy phép lái xe (QT-03)

1	MỤC ĐÍCH Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy phép lái xe		
2	PHẠM VI Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của bộ trưởng bộ tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 4. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT; 5. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	

	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người có giấy phép lái xe hạng A, A1, B1);	X	
	- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe hoặc Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép lái xe tích hợp.		X
	- Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại dichvucong.gov.vn		
3.6	Phí, lệ phí		
	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.		

3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
3.7.1	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp			
B1	Nộp hồ sơ và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa – Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa – Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn – Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư

				01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa – Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.2.	Trường hợp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình (sử dụng phần mềm của Cục Đường bộ Việt Nam)			
B1	Nộp hồ sơ: Kê khai theo hướng dẫn, phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến

B2	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: xác nhận, yêu cầu thanh toán. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: thông báo từ chối.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	
B3	Kiểm tra thông tin trong mail: - Trường hợp đã được xác nhận: thanh toán lệ phí; - Trường hợp bị từ chối: hoàn thiện hồ sơ nộp lại từ đầu.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	
B4	- Kiểm tra: Công dân đã thanh toán lệ phí, kiểm tra hồ sơ, tổng hợp những thông tin cần hiệu chỉnh để chuyển Bộ phận in Giấy phép lái xe. - Phần mềm tự động gửi thông báo và ngày hẹn trả kết quả.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B6	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;

				Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Trả kết quả trực tiếp cho công dân hoặc nhân viên Bưu điện (theo nhu cầu của công dân đăng ký trên Cổng Dịch vụ công).	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe 2. Giấy phép lái xe 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....
do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có ☐ Không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

**Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực
đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025**

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:



Mặt sau:

**2. Quy cách giấy phép lái xe**

- Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).
- Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.
- Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.
- Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.
- Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.
- Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:



Mặt sau:



2. Quy cách giấy phép lái xe

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S

LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và "Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;

đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;

e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:

1. Họ của người lái xe

2. Tên của người lái xe

3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe

4a. Ngày cấp giấy phép lái xe

4b. Ngày hết hạn giấy phép lái xe

4c. Cơ quan cấp giấy phép lái xe

5. Số giấy phép lái xe

6. Ảnh chân dung (không đánh số)

7. Chữ ký của người lái xe

8. Địa chỉ cư trú của người lái xe

9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.

g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:

1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển

2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe

3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe

4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

4. Quy trình Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (QT-04)

1	MỤC ĐÍCH Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.		
2	PHẠM VI Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của bộ trưởng bộ tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 4. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT; 5. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của	X	

	pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người có giấy phép lái xe hạng A, A1, B1);			
	- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe hoặc Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ đối với trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép lái xe tích hợp.		X	
	- Hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử).			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến			
3.6	Phí, lệ phí			
	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: Kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31/12/2025, áp dụng mức thu lệ phí là 115.000 đồng/lần cấp.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
3.7.1	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp			
B1	Nộp hồ sơ và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2

B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa – Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa – Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn – Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn – Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT

B9	Trả kết quả cho cá nhân	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.2	Trường hợp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình (sử dụng phần mềm của Cục Đường bộ Việt Nam)			
B1	Nộp hồ sơ: Kê khai theo hướng dẫn, phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai và phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe thông qua chức năng thanh toán của hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định và nộp phí sử dụng dịch vụ khác theo nhu cầu của cá nhân.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	Đủ các trường thông tin được hướng dẫn trên màn hình trực tuyến
B2	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: xác nhận, yêu cầu thanh toán. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: thông báo từ chối.	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	2,0 ngày làm việc	
B3	Kiểm tra thông tin trong mail: - Trường hợp đã được xác nhận: thanh toán lệ phí; - Trường hợp bị từ chối: hoàn thiện hồ sơ nộp lại từ đầu.	Cá nhân	Trong và ngoài giờ hành chính	

B4	- Kiểm tra: Công dân đã thanh toán lệ phí, kiểm tra hồ sơ, tổng hợp những thông tin cần hiệu chỉnh để chuyển Bộ phận in Giấy phép lái xe. - Phần mềm tự động gửi thông báo và ngày hẹn trả kết quả.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình
B6	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Trả kết quả trực tiếp cho công dân hoặc nhân viên Bưu điện (theo nhu cầu của công dân đăng ký trên Cổng Dịch vụ công).	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT

B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe 2. Giấy phép lái xe 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có ☐ Không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

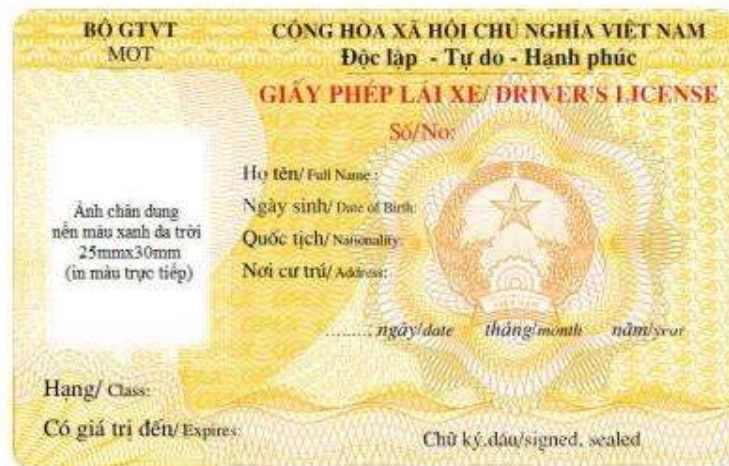
(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

**Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực
đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025**

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:



Mặt sau:

**2. Quy cách giấy phép lái xe**

- Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).
- Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.
- Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.
- Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.
- Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.
- Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:



Mặt sau:



2. Quy cách giấy phép lái xe

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S

LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và "Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

- c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;
- d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;
- đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;

e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:

1. Họ của người lái xe
2. Tên của người lái xe
3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe
- 4a . Ngày cấp giấy phép lái xe
- 4b . Ngày hết hạn giấy phép lái xe
- 4c . Cơ quan cấp giấy phép lái xe
5. Số giấy phép lái xe
6. Ảnh chân dung (không đánh số)
7. Chữ ký của người lái xe
8. Địa chỉ cư trú của người lái xe
9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.

g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:

1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển
2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe
3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe
4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.
3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

5. Quy trình Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (QT-05)

1	MỤC ĐÍCH Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp		
2	PHẠM VI Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT; 4. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	

	- Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.		X	
	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực.	X		
	- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng.		X	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến			
3.6	Phí, lệ phí			
	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2

B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn – Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn – Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên – Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT

B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên – Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe 2. Giấy phép lái xe 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có ☐ Không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

**Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực
đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025**

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:



Mặt sau:

**2. Quy cách giấy phép lái xe**

- Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).
- Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.
- Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.
- Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.
- Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rom và các ký hiệu bảo mật.
- Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:



Mặt sau:



2. Quy cách giấy phép lái xe

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và "Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

- c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;
 - d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;
 - đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;
 - e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:
 - 1. Họ của người lái xe
 - 2. Tên của người lái xe
 - 3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe
 - 4a. Ngày cấp giấy phép lái xe
 - 4b. Ngày hết hạn giấy phép lái xe
 - 4c. Cơ quan cấp giấy phép lái xe
 - 5. Số giấy phép lái xe
 - 6. Ảnh chân dung (không đánh số)
 - 7. Chữ ký của người lái xe
 - 8. Địa chỉ cư trú của người lái xe
 - 9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.
 - g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:
 - 1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển
 - 2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe
 - 3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe
 - 4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.
3. Cách in giấy phép lái xe
- In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

6. Quy trình Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (QT-06)

1	MỤC ĐÍCH		
	Quy định trình tự và cách thức thủ tục Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp		
2	PHẠM VI		
	Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT; 4. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>* Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995:</i>		

	+ Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	* Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995:		
	+ Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	+ Bản sao giấy phép lái xe; bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;		X
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực;	X	
	* Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31 tháng 7 năm 2020:		
	+ Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực;	X	
	+ Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;		X
	+ Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; giấy chứng nhận sức khỏe của người lái xe; chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.	X	

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử)			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến			
3.6	Phí, lệ phí			
	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa – Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP

B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý phương tiện và người lái	Bộ phận một cửa – Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn – Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn – Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP; Tờ trình
B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT

B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đối chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe 2. Giấy phép lái xe 3. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có ☐ Không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

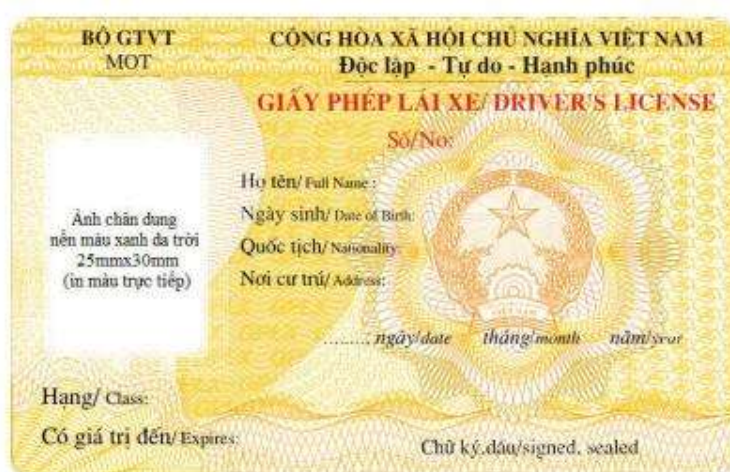
(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực
đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:



Mặt sau:



2. Quy cách giấy phép lái xe

- Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).
- Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và "Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.
- Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.
- Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.
- Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.
- Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026**1. Hình thức giấy phép lái xe**

Mặt trước:



Mặt sau:

**2. Quy cách giấy phép lái xe**

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và "Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

- c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;
 - d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;
 - đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;
 - e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:
 - 1. Họ của người lái xe
 - 2. Tên của người lái xe
 - 3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe
 - 4a. Ngày cấp giấy phép lái xe
 - 4b. Ngày hết hạn giấy phép lái xe
 - 4c. Cơ quan cấp giấy phép lái xe
 - 5. Số giấy phép lái xe
 - 6. Ảnh chân dung (không đánh số)
 - 7. Chữ ký của người lái xe
 - 8. Địa chỉ cư trú của người lái xe
 - 9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.
 - g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:
 - 1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển
 - 2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe
 - 3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe
 - 4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.
3. Cách in giấy phép lái xe
- In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

7. Quy trình Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (QT-07)

1	MỤC ĐÍCH		
	Quy định trình tự và cách thức thủ tục đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.		
2	PHẠM VI		
	Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài sang giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; 2. Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; 3. Quyết định số 1503/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ GTVT về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ GTVT; 4. Quyết định số 6806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực đường bộ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải; thủ tục hành chính thực hiện theo phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	- Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe theo mẫu quy định;	X	
	- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng tại Việt Nam, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;	X	
	- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh cấp còn hiệu lực (trừ người nước ngoài đổi giấy phép lái xe theo thời hạn ghi trong thị thực nhập cảnh hoặc thẻ tạm trú);	X	
	- Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc của một trong các giấy tờ: thẻ tạm trú, thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ.		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định (bao gồm xác thực tài khoản định danh điện tử qua hệ thống định danh và xác thực điện tử)		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Sở Giao thông vận tải Hà Nội hoặc nộp hồ sơ trực tuyến		
3.6	Phí, lệ phí		
	Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.		
3.7	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Nộp hồ sơ + Nộp hồ sơ trực tiếp. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Phải hoàn thành nghĩa vụ nộp lệ phí cấp Giấy phép lái xe khi được tiếp nhận hồ sơ theo quy định.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 5.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chụp ảnh trực tiếp và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, chụp ảnh trực tiếp khi công dân đến lấy kết quả theo lịch hẹn).	Bộ phận một cửa – Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa – Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở GTVT	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký số (có thể ủy quyền cho Lãnh đạo Phòng phê duyệt trên hệ thống phần mềm để đảm bảo tiến độ thời gian);	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở GTVT	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Tờ trình

B7	In: Giấy phép lái xe.	Chuyên viên - Sở GTVT	1,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/ TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở GTVT	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B9	Trả kết quả cho cá nhân. (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trả kết quả sau khi chụp ảnh trực tiếp, đổi chiếu hồ sơ gốc (sau 02 giờ làm việc)).	Bộ phận một cửa – Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục XXIV, Thông tư 35/2024/TT-BGTVT
B10	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên Sở GTVT	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đề nghị đổi (cấp lại) giấy phép lái xe 2. Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (Dùng cho người nước ngoài) 3. Giấy phép lái xe 4. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018			

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi (cấp lại) giấy phép lái xe hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ: Có ☐ Không ☐

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE (ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence- Freedom - Happiness****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE/APPLICATION FORM FOR
EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE**

(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải...

(Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.)cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng
(month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....

Hiện có giấy phép lái xe số (Current Driver's Licence No.):.....

Cơ quan cấp (Issuing Office):.....

Tại (Place of issue):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....

Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in
Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Ghi chú (note): Gửi kèm theo đơn (Documents enclosed as follows)

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport
(included pages: full name, photograph, valid visa)] (Đối với trường hợp chưa có số định danh
cá nhân (In case there is no personal identification No.).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is
correct and true.

....., ngày (date) tháng (month) năm (year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ, tên)

(Signature and Full name)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

**Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực
đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025**

1. Hình thức giấy phép lái xe

Mặt trước:



Mặt sau:

**2. Quy cách giấy phép lái xe**

- Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).
- Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.
- Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.
- Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.
- Phôi được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rơm và các ký hiệu bảo mật.
- Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Cách in giấy phép lái xe

In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

Mẫu Giấy phép lái xe thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026**1. Hình thức giấy phép lái xe**

Mặt trước:



Mặt sau:

**2. Quy cách giấy phép lái xe**

Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1);

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và "Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường;

- c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe;
 - d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe;
 - đ) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại Cục Đường bộ Việt Nam;
 - e) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:
 - 1. Họ của người lái xe
 - 2. Tên của người lái xe
 - 3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe
 - 4a. Ngày cấp giấy phép lái xe
 - 4b. Ngày hết hạn giấy phép lái xe
 - 4c. Cơ quan cấp giấy phép lái xe
 - 5. Số giấy phép lái xe
 - 6. Ảnh chân dung (không đánh số)
 - 7. Chữ ký của người lái xe
 - 8. Địa chỉ cư trú của người lái xe
 - 9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại mục 1 Mẫu số 03 Phụ lục này.
 - g) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:
 - 1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển
 - 2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe
 - 3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe
 - 4. Cột 12 hiển thị các mã số giấy phép lái xe, được quy định tại mục 3 Mẫu số 02 Phụ lục này.
3. Cách in giấy phép lái xe
- In từng hạng giấy phép lái xe mà người lái xe được phép điều khiển (hiển thị bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

(Xem tiếp công báo số 230+231)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn